

Bản án số: **55/2025/HNGĐ-ST**

Ngày 28/4/2025

*V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲ HỢP – TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Quán Vi Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Lê Vinh Hương

Ông Vi Văn Bốn

Thư ký phiên tòa: Bà Kim Thị Mai – Thư ký, Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hồng Lĩnh – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 24/2025/TLST – HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2025 về việc *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lo Thị G**, sinh năm 1991

Nơi ĐKKHKT: Bản Phảy, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Nơi tạm trú: Xóm T, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Anh **Sầm Văn T**, sinh năm 1987

HKTT: Bản Phảy, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Nơi ở hiện tại: Tổ 45, phân trại số B, trại giam S, xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An.

(Có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và tại biên bản ghi lời khai, nguyên đơn chị Lo Thị G trình bày: Chị G và anh Sầm Văn T kết hôn vào ngày 07/12/2009 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống không hạnh phúc mà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống nên thường hay cãi cọ, xích mích

lẫn nhau. Anh T sa vào nghiện hút rượu chè, hiện nay anh T đang chấp hành án phạt tù tại tổ D, phân trại số B, trại giam S, xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có tương lai nên chị G yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh T được ly hôn.

Chị G và anh T có 01 con chung là Sầm Thái T1, sinh ngày 05/8/2010. Ly hôn, chị G yêu cầu được giao nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị G.

Chị G và anh T tự chia tài sản được cho nhau, do đó chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Chị G và anh T không có khoản nợ gì chung.

Đối với bị đơn anh Sầm Văn T, hiện nay đang chấp hành án tại Tổ D, phân trại số B, trại giam S, xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An có bản tự khai như sau: Anh T và chị G đăng ký kết hôn ngày 07/12/2009 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Anh T và chị G sau khi kết hôn không có mâu thuẫn, cả hai chung sống với nhau cho đến khi anh T bị bắt và phải chấp hành án phạt tù. Anh T vẫn còn tình cảm, tuy nhiên nếu chị G cương quyết ly hôn, anh T cũng không níu kéo, anh T đồng ý ly hôn chị G. Anh T và chị G có một con chung là Sầm Thái T1, sinh ngày 05/8/2010. Con chung hiện nay đã trên 7 tuổi nên anh T đề nghị giải quyết theo nguyện vọng của con để giao cho anh T hoặc chị G chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T không yêu cầu giải quyết tài sản chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp phát biểu ý kiến:

Qua kiểm sát giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa thấy rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng vào Điều 56; các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, xử: Về hôn nhân: Cho chị Lo Thị G được ly hôn anh Sầm Văn T;

Về con chung: Buộc anh Sầm Văn T giao con chung Sầm Thái T1, sinh ngày 05/8/2010 cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ tháng 4 năm 2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành;

Về tài sản: Chị G, anh T không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét;

Về án phí: Chị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật được xác định trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Sầm Văn T có hộ khẩu thường trú tại Bản P, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Đối với bị đơn anh Sầm Văn T trong quá trình Tòa án giải quyết vụ kiện thì anh Sầm Văn T vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, chị Lo Thị G, anh Sầm Văn T có đơn xin vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt đối với Lo Thị G và anh Sầm Văn T.

[3] Về hôn nhân: Chị G và anh Sầm Văn T kết hôn vào ngày 07/12/2009 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân của chị Lo Thị G và anh Sầm Văn T đảm bảo về điều kiện kết hôn và được đăng ký kết hôn đúng quy định pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị G và anh T sống chung không hạnh phúc mà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, bất đồng quan điểm. Anh T sa vào tệ nạn, nghiện ngập. Hiện nay, anh T đang chấp hành án tại Tổ 45, phân trại số B, trại giam S, xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An. Nay chị G xác định tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc tương lai không có và không thể tiếp tục cuộc sống chung cùng nhau. Anh T cũng có ý kiến thống nhất ly hôn chị G. Như vậy có căn cứ cho chị G được ly hôn anh T theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Chị G và anh T có 01 con chung Sầm Thái T1, sinh ngày 05/8/2010. Hiện nay con chung do chị G trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ly hôn, anh T và chị G có nguyện vọng được nuôi con. Xét thấy, chị G có việc làm và thu nhập ổn định, có các điều kiện đảm bảo cho việc chăm sóc, giáo dục con. Con chung cũng có nguyện vọng được ở với mẹ, anh T đang chấp hành án tại Trại giam S, xã N, huyện T. Do đó, căn cứ quyền lợi mọi mặt của con chung, chấp nhận yêu cầu của chị G, giao cháu Sầm Thái T1 cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng. Thời gian giao nuôi con kể từ tháng 4 năm 2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Sầm Văn T.

[4] Về tài sản: Chị G không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, khoản 1, 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lo Thị G được ly hôn anh Sầm Văn T.

Về con chung: Buộc anh Sầm Văn T giao con chung Sầm Thái T1, sinh ngày 05/8/2010 cho chị Lo Thị G trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 4/2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Sầm Văn T. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi mọi mặt của con chung khi có căn cứ hoặc có lý do chính đáng có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Chị Lo Thị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), số tiền trên được khấu trừ trong số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Lo Thị G đã nộp theo biên lai thu số 0006302 ngày 06 tháng 3 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Hợp

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND huyện Quỳnh Hợp;
- THADS huyện Quỳnh Hợp;
- Các đương sự;
- UBND xã Châu Hồng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Quán Vi Tuấn